

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2024
V/v“tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung
2. Ông Trần Bá Đường.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai: Bà Hoàng Thị Trịnh- Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/ 2024/QĐST- DS ngày 18/7/2024 theo quyết hoãn phiên tòa số:28/2024/QĐHPT ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B - 268, N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Nguyên K, chức vụ: Giám đốc ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh L.

Địa chỉ: Số D, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thúy

Địa chỉ: Số D, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Tổ G, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 03/11/2020, Ông Nguyễn Văn T thỏa thuận với Ngân hàng TMCP S Chi nhánh L. Và Ngân hàng TMCP S Chi nhánh L cấp cho ông Nguyễn Văn T 01 Thẻ tín dụng hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.216%/tháng. Thời gian trả chậm nhất vào ngày 04 hàng tháng (ngày 10 hàng tháng là ngày chốt giao dịch, thời điểm hệ thống cập nhật số tiền gốc, lãi cần thanh toán của kỳ kế tiếp). Số tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau ông T phải chịu các khoản phí theo quy định, điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1

Sau ký hợp đồng tín dụng, thẻ được kích hoạt, ngày 12/11/2020 Ông T đã thực hiện giao dịch quẹt thẻ tín dụng mục đích tiêu dùng với số tiền 200.200.000 đồng (hai trăm triệu hai trăm nghìn đồng) Tuy nhiên từ khi rút tiền tiêu dùng ông Nguyễn Văn T không thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng mà chỉ trả một lãi, do vậy tính đến ngày 05/9/2024 tiền gốc, lãi, phí ông Nguyễn Văn T nợ Ngân hàng là 451.478.911 đồng, số tiền đã thanh toán 138.365.119 đồng, số tiền ông Nguyễn Văn T nợ ngân hàng là: 313.113.792 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán đầy đủ toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là: 313.113.792 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) cho ngân hàng C: Nợ gốc: 200.200.000 đồng; Lãi trong hạn: 13.457.946 đồng; Lãi quá hạn: 89.459.049 đồng; Phí trễ hạn: 9.099.797 đồng; Phí thường niên thẻ: 897.000 đồng và yêu cầu ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Ngân hàng xác định khoản vay là do cá nhân ông Nguyễn Văn T giao dịch với mục đích tiêu dùng cá nhân không phải khoản vay chung của vợ chồng lên rút phần yêu cầu bà Đỗ Thị D1 phải liên đới thanh toán khoản vay trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các biên bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên qua xác minh tại chính quyền địa phương, bị đơn

không có mặt ở địa phương nên tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp cần giải quyết; xác định đúng tư cách và đầy đủ những người tham gia tố tụng; chấp hành đúng quy định về việc thụ lý vụ án; về thủ tục mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các điều 205; 211 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng quy định tại các điều 203, 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần; phạm vi và nguyên tắc xét xử theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ điều 463, điều 466; điều 468, điều 470, điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 điều 147 ; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 313.113.792 VNĐ (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) gốc và lãi, phí theo hợp đồng.

Tính án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang sinh sống tại tổ G, thị trấn P, huyện H, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nên Tòa án nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ để viết bản tự khai, lấy lời khai bổ sung và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định, tuy nhiên ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định, nhưng tại phiên tòa ngày 15/8/2024 ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 05/9/2024, phiên tòa được mở lại theo quy định.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Cần áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227 ; khoản 1 điều 228 ; khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng:

Ngày 03/11/2020, Ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S Chi nhánh L. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Thời gian trả chậm nhất vào ngày 04 hàng tháng, ngày 10 hàng tháng là ngày chốt giao dịch, thời điểm hệ thống cập nhật số tiền gốc, lãi cần thanh toán của kỳ kế tiếp; lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 2.216%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Hợp đồng tín dụng không có thể chấp Đến ngày 10/01/2021 Ông Nguyễn Văn T đã vi phạm điều khoản của hợp đồng không thanh toán được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã thảo thuận.

Tổng số tiền Nguyễn Văn T nợ Ngân hàng gồm gốc, lãi, phí là 451.478.911 đồng, số tiền đã thanh toán 138.365.119 đồng. Tính đến ngày 05/9/2024 tổng số tiền ông Nguyễn Văn T nợ ngân hàng là: 313.113.792 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận giữa các bên trong việc vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ; điều 463, 466; 468, 470 Bộ luật Dân sự , nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán đầy đủ toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là: 313.113.792 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) cho ngân hàng C: Nợ gốc: 200.200.000 đồng; Lãi trong hạn: 13.457.946 đồng; Lãi quá hạn: 89.459.049 đồng; Phí trễ hạn: 9.099.797 đồng; Phí thường niên thẻ: 897.000 đồng;

(Cách Tính lãi: Số dư nợ gốc x % lãi suất tháng x số ngày tính lãi/ 30 ngày). Trong đó: % lãi suất tháng = % lãi suất năm /12 tháng

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điều 463, điều 466; điều 468, điều 470, điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 điều 147 ; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S:**

Buộc ông **Nguyễn Văn T** phải có trách nhiệm thanh toán 313.113.792 VNĐ (Ba trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** theo hợp đồng tín dụng trong đó số tiền gốc là: 200.200.000đ (hai trăm triệu hai trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn: 13.457.946 VNĐ (mười ba triệu bốn trăm lăm mươi bảy nghìn chín trăm bốn sáu đồng); Lãi quá hạn: 89.459.049 VNĐ (tám mươi chín triệu bốn lăm mươi chín nghìn không trăm bốn chín đồng) Phí trễ hạn: 9.099.797 VNĐ (chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm chín bảy đồng); Phí thường niên thẻ: 897.000 đồng (tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong ông **Nguyễn Văn T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Văn T** phải chịu 15.655.689 VNĐ (mười lăm triệu sáu trăm lăm mươi lăm nghìn sáu trăm tám chín đồng) án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.212.127 đ (bảy triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001268 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án huyện Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- VKSND tỉnh, h .
- Tòa án tỉnh
- Các đương sự.
- Chi cục THADS
- Lưu HS.

TM. T/MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Nguyễn Thị Thanh Vân